TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 5 - 2019
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền; Ông Trần Hồng Hải

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLPT - TA ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản ".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T; sinh năm 1990; địa chỉ: Số 153, đường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G, Luật sư văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- **Bị đơn: Ông Trương Quốc T**; sinh năm 1976; địa chỉ: Số 106, đường Nguyễn Trung T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn H, Luật sư Công ty luật TNHH K; địa chỉ: Lô 11, đường M, khu đô thị H, quận N, Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị H, sinh năm 1940; Trú tại: Số 106, đường Nguyễn Trung T, thành phố H, Hà Tĩnh; có mặt.

+ Chị Trương Thị Thanh T. Trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố H, Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: 89, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, cán bộ ngân hàng; có mặt.

+ Chị Phan Thị H – Anh Nguyễn Đình C. Trú tại: Thôn 3, xã C, huyện X, Hà Tĩnh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh C: Chị Phan Thị T; trú tại: Số 153 đường H, thành phố H, Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người làm chứng (đều vắng mặt):*

+ Anh Hồ Xuân N; địa chỉ: Tổ 10, phường T, thành phố H, Hà Tĩnh.

+ Anh Bùi Kim A; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, Hà Tĩnh.

+ Anh Trần Xuân V. Trú tại: Tổ 7, phường H, thành phố H, Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Phan Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trương Quốc T kết hôn vào ngày 04/07/2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi sống chung một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sự khác biệt về tuổi và tâm lý. Anh T chửi bới đánh đập, cuộc sống luôn căng thẳng, cuối năm 2017 chị dọn ra ở riêng từ đó vợ chồng chấm dứt quan hệ, tình cảm không còn chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Phan Thành T, sinh ngày 07/5/2015. Chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng.

Về tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 xe ô tô Vios đời 2004 BKS 38A 040.84, xe máy Vespa BKS 38P1/100.25 đời 2009, 02 ti vi LG, 01 tủ lạnh LG, 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, 16 ghế xếp bằng nhựa, 07 bàn bằng gỗ công nghiệp, 04 quạt điện Hoa sen, 01 quầy ba bằng gỗ công nghiệp, 01 tủ nhôm mua năm 2017 trong cửa hàng làm tóc của chị. Nhà làm hết khoảng 700.000.000 đồng, nguồn gốc tiền để làm nhà là tiền bán vàng cưới và tích góp được 70.000.000 đồng và tiền vay. Tài sản chung yêu cầu chia đôi.

Tài sản riêng: Đồ dùng và trang thiết bị trong cửa hàng làm tóc là của chị có trước khi cưới.

Về đất ở trước đây bà Dương Thị H đã lập di chúc để lại cho vợ chồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, nay bà đã hủy bỏ di chúc nên không yêu cầu.

Về nợ chung: Vay ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển 150.000.000 đồng, nhưng khi ra ở riêng đã trả còn nợ khoảng 70.000.000 đồng và vay em gái

là Phan Thị H và em rể Nguyễn Đình C 150.000.000 đồng đã trả được 95.000.000 đồng còn nợ 55.000.000 đồng, vay Ngân hàng TMCP V 100.000.000 đồng, trừ tiền bảo hiểm 5.000.000 đồng còn lại 95.000.000 đồng mua sắm đồ dùng trong nhà như quạt điện, ti vi, tủ lạnh …vv. Khi làm nhà mẹ chồng là bà Dương Thị H lập di chúc để lại đất ở cho vợ chồng và yêu cầu vợ chồng phải cho em gái chồng một khoản tiền 150.000.000 đồng tương đương với 70m^2 đất thì chị T đã chuyển vào tài khoản của chị Trương Thị Thanh T 150.000.000 đồng.

Về khoản nợ vay ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển hiện nay đã trả hết chị không có ý kiến gì, khoản nợ của chị Phan Thị H và anh Nguyễn Đình C hiện nay giấy vay tiền bị mất, anh Tường không thừa nhận nên không yêu cầu. Nợ Ngân hàng TMCP V yêu cầu chia đôi.

- ***Bị đơn anh Trương Quốc T trình bày***: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Còn về mâu thuẫn do chị T không tôn trọng chồng và gia đình chồng, nếu chị T thay đổi tính nết để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị kiên quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Đất là của mẹ chồng là bà Dương Thị H, nhà do mẹ chồng làm, trong thời gian xây nhà chị T sinh con nên không đóng góp công sức gì, anh T chỉ giúp mẹ gọi vật liệu, thuê thợ và trông nom thợ thi công. Khi xây nhà thiếu tiền, bà H đã nhiều tuổi ngân hàng không cho vay nên vợ chồng đứng tên vay Ngân hàng đầu tư, bà H thế chấp bìa đất vay 150.000.000 đồng để làm nhà, 50.000.000 đồng để mua sắm. Tiền nợ hiện nay bà H trả hết, hàng tháng có khi chị T đi nộp, có khi chị Trương Thị Thanh T đi nộp, khi thì anh T trực tiếp đi nộp, lần cuối cùng 70.000.000 đồng bà H đi nộp, tất cả là bằng tiền của bà H.

Tài sản chung yêu cầu chia đôi gồm: 01 xe máy Vespa chị T đang sử dụng và một số đồ dùng trong nhà như ti vi, giường, bàn bằng gỗ công nghiệp, ghế xếp bằng nhựa, quầy ba và trước khi cưới anh mua sắm toàn bộ đồ nghề, thiết bị cho chị T mở tiệm làm tóc hết khoảng 50.000.000 đồng.

Xe ô tô là bằng nguồn tiền anh T có xe ô tô trước đây cho thuê tự lái họ gây tai nạn đền bù 300.000.000 đồng để mua xe Vios hiện tại là tài sản riêng của anh T. Xe hiện nay đã bán 150.000.000 đồng.

Về nợ: Về nợ vay ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển là do bà H vay, hiện nay bà H đã trả hết. Về nợ Ngân hàng TMCP V và của chị Phan Thị H anh Nguyễn Đình C là do chị T vay anh T không biết nên không chịu trách nhiệm.

Về số tiền chị T khai chuyển cho em gái anh T là chị Trương Thị Thanh T tiền gì anh T không biết và không nghe chị T trao đổi.

- Bà Dương Thị H trình bày: Đất của bà mua năm 1990, khi làm nhà do thiếu tiền cần vay ngân hàng, bà H cao tuổi ngân hàng không cho vay nên nhờ vợ chồng chị T, anh T đứng tên vay bà thế chấp đất, tiền hàng tháng bà nhờ con

trả, khi chị T, anh T hoặc con gái là Trương Thị Thanh T trả, còn 78.000.000 đồng bà trực tiếp trả. Tiền làm nhà là của bà H, vợ chồng chị T, T không đóng góp tiền bạc hay công sức gì. Anh T giúp bà gọi thợ và mua vật liệu, trông nom thợ làm. Trước đây bà lập di chúc để lại đất cho vợ chồng T, T thừa kế nhưng bà đã hủy di chúc. Trước khi làm nhà có họp gia đình làm nhà thì T, T phải cho em gái là chị T một khoản tiền, nhưng thực tế có giao tiền hay không bà không biết. Tài sản trong nhà như ti vi, tủ lạnh, bàn ghế chủ yếu do bà mua sắm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V trình bày: Ngày 01/8/2017 chị Phan Thị T ký hợp đồng tín dụng vay vốn tiêu dùng của Ngân hàng 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 35%/năm. Mua bảo hiểm 4.709.847 đồng chỉ nhận 95.240.000 đồng. Chị T trả nợ một lần 3.451.000 đồng, anh T trả một lần 3.453.000đồng, anh Phan Anh T trả một lần 3.455.000 đồng nay còn dư nợ gốc tính đến ngày 30/11/2018 gồm: nợ gốc 98.021.718 đồng, nợ lãi 50.180.587 đồng (trong đó lãi trong hạn 2.695.597 đồng, lãi quá hạn 47.484.990 đồng), phạt chậm trả theo khoản 2 Điều 468 BLDS là 2.840.547 đồng. Đề nghị Toà án buộc chị T và anh T phải thanh toán số nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận cho đến khi chị Phan Thị T và anh Trương Quốc T thực tế thanh toán hết nợ.

- Tại bản tự khai, chị Trương Thị Thanh T trình bày: Ngày 06/11/2015 chị T chuyển qua tài khoản cho chị Tâm 150.000.000 đồng là tiền trả nợ chị T vay của chị T trước đó một tháng để chuyển ốt kinh doanh.

Với nội dung vụ án trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 43, Điều 59, Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 217, Điều 224 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005, Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Trương Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Phan Thành T, sinh ngày 07/5/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trương Quốc T cấp dưỡng nuôi con với chị Phan Thị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trương Phan Thành T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trương Quốc T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

- Bác yêu cầu chia tài sản trị giá 9.800.000 đồng của anh Trương Quốc T gồm: 06 bàn gội đầu, 02 ghế xoay, 01 ti vi LG 43 in, 02 loa thùng, 01 điều hòa, 01 máy nóng lạnh, 01 máy xông hơi, 01 máy hấp tóc, 01 máy uốn tóc, 02 quạt tường, 03 chậu gội đầu, 04 chiếc gương 6m^2, 01 bộ âm ly, 01 bộ máy sấy, tổng giá trị 9.800.000 đồng.

- Tài sản riêng: 06 bàn gội đầu, 02 ghế xoay, 01 ti vi LG 43 in, 02 loa thùng, 01 điều hòa, 01 máy nóng lạnh, 01 máy xông hơi, 01 máy hấp tóc, 01 máy uốn tóc, 02 quạt tường, 03 chậu gội đầu, 04 chiếc gương 6m^2, 01 bộ âm ly, 01 bộ máy sấy là tài sản riêng của chị Phan Thị T.

- Về chia tài sản:

+ Giao chị Phan Thị T sở hữu tài sản tổng giá trị 403.350.000 đồng, bao gồm: Xe máy Vespa BKS 38P1- 100.25 trị giá 15.000.000 đồng; 01 tủ nhôm kính giá 2.500.000 đồng và 300.000.000 đồng do bà Dương Thị H có nghĩa vụ giao lại, 85.850.000 đồng tiền chênh lệch tài sản do anh Trương Quốc T giao lại.

+ Giao anh Trương Quốc T sở hữu tài sản gồm: 01 xe ô tô Vios đời 2004 BKS 38A 040.84 trị giá 170.000.000 đồng, Ti vi LG 55 in trị giá 7.000.000 đồng, ti vi LG 43 in giá 3.000.000 đồng, 16 ghế xếp bằng nhựa giá 1.600.000 đồng, 07 bàn gỗ công nghiệp giá 700.000 đồng, 01 quầy ba bằng gỗ công nghiệp giá 1.000.000 đồng, 01 bàn và 06 ghế bằng gỗ giá 3.500.000 đồng, 01 giường gỗ 1,6m giá 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh LG giá 1.000.000 đồng, 04 quạt điện Hoa Sen giá 400.000 đồng và 290.000.000 đồng do bà Dương Thị H giao lại. Anh Trương Quốc T có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị T 85.850.000 đồng, nên tổng giá trị tài sản anh T được nhận là 393.350.000 đồng.

+ Giao bà Dương Thị H sở hữu căn nhà xây 02 tầng, tủ bếp mặt bằng đá gắn liền với nhà giá 890.780.000 đồng gắn liền với lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 903970 mang tên bà Dương Thị H thửa đất số 43 tờ bản đồ số 5 diện tích 187,5m^2 tại số 106 đường Nguyễn Trung T, tổ 3, phường T, thành phố H do UBND thành phố H cấp ngày 28/4/2011 cho bà Dương Thị H.

Bà Dương Thị H có nghĩa vụ giao lại chị Phan Thị T 300.000.000 đồng và anh Trương Quốc T 290.000.000 đồng. Trị giá nhà còn lại bà H được hưởng là 300.780.000 đồng.

- Về nợ chung:

+ Buộc chị Phan Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng cộng: 74.112.305 đồng, trong đó: 49.021.718 đồng tiền nợ gốc và 25.090.587 nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Buộc anh Trương Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng cộng: 74.090.000, trong đó: 49.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.090.000 nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về phạt lãi chậm trả 2.840.547 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Trương Quốc T kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H về việc xem xét phân chia tài sản nhà, xe ô ô và khoản nợ Ngân hàng TMCP V. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H kháng cáo về việc phân chia nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn anh Trương Quốc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Luật sư của bị đơn trình bày luận cứ cho rằng: Mặc dù anh T có trả nợ Ngân hàng TMCP V 1 lần nhưng khoản nợ là nợ riêng của chị T; về tài sản nhà là của bà Dương Thị H; về xe ô tô, trước khi cưới anh T đã có xe sau đó bán mua lại xe ô tô Vios nên là tài sản riêng của anh T.

Luật sư của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Trương Quốc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Dương Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Quốc T kết hôn với nhau năm 2012 và chung sống từ đó cho đến khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, năm 2016 xây nhà và đưa vào sử dụng với giá trị 890.480.000 đồng do đó tài sản này được xác định là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân. Chị T khai nhà do vợ chồng chị tạo lập nên, anh T và bà H cho rằng chị T và anh T chỉ giúp bà H trong việc gọi vật liệu, còn toàn bộ chi phí xây nhà và mua sắm đều là của bà H. Tuy nhiên chị T, anh T và bà H đều không đưa ra được tài liệu chứng cứ đầy đủ, rõ ràng để chứng minh được việc xây dựng căn nhà là của riêng của vợ chồng chị T, anh T hay là

bằng tiền của bà H. Trong quá trình làm nhà các hóa đơn mua vật liệu làm nhà chủ yếu đứng tên anh T, Hợp đồng vay tiền làm nhà tại Ngân hàng đầu tư đứng tên anh T, chị T, giấy phép và hợp đồng xây dựng đứng tên bà H. Các đương sự cũng thừa nhận thực tế khi làm nhà năm 2015 có họp gia đình thỏa thuận vợ chồng T, T được làm nhà trên đất bố mẹ chồng và đưa lại cho em chồng là chị Tâm 150.000.000đ, tuy nhiên bà Hợi cho rằng đã chuyển tiền hay chưa bà không biết, chị T khai đã nhận 150.000.000đ từ chị T nhưng là tiền chị T vay để chuyển ốt kinh doanh; bà H có lập di chúc thừa kế đất cho vợ chồng T, T nhưng sau đó đã hủy bỏ di chúc. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 224 Bộ luật dân sự 2005 (tương ứng Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015), Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình chia đều cho ba người, nhưng xem xét ưu tiên cho chị T là phụ nữ nuôi con nhỏ nên chia cho chị T 300.000.000 đồng, anh T 290.000.000 đồng, bà H 300.480.000 đồng trên tổng giá trị tài sản 890.480.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, hợp tình, hợp lý.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trương Quốc T về việc anh cho rằng đối với khoản vay 100.000.000 của Ngân hàng TMCP V, anh không biết và không có trách nhiệm trả khoản nợ này, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 01/8/2017 chị T ký hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng TMCP V mục đích mua sắm tiêu dùng, ngày 07/7/2017 nhận tiền vay 100.000.000 đồng, trừ mua bảo hiểm 4.709.847 đồng chỉ nhận 95.240.000 đồng. Chị Lê Thị Tuyết M cán bộ tín dụng xác nhận khi làm thủ tục cho chị T vay tiền có đến nhà gặp anh T có biết việc chị T vay tiền, anh T cũng đã trực tiếp đến trả cho Ngân hàng một lần với số tiền 3.453.000 đồng. Do đó việc chị T vay tiền anh T biết và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ một lần nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Trang và buộc anh Tường có trách nhiệm trả ½ số nợ tại Ngân hàng TMCP VP Bank Hà Tĩnh là có căn cứ.

[2.3] Đối với 01 xe ô tô Vios đời 2004 BKS 38A 040.84: Chị T và anh T đều thừa nhận mua năm 2013; chị T và anh T kết hôn năm 2012, nên đây được xác định là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; quá trình mua xe cũng không thể hiện việc anh dùng nguồn tiền mà người thuê xe gây tai nạn bồi thường cho anh để mua xe, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh và chia ½ giá trị xe ô tô BKS 38A-040.84 là có căn cứ.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trương Quốc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trương Quốc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 43, Điều 59, Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 217, Điều 224 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số_1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005, Xử:

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Trương Quốc T.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Phan Thành T, sinh ngày 07/5/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trương Quốc T cấp dưỡng nuôi con với chị Phan Thị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trương Phan Thành T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trương Quốc T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản:

2.3.1.Bác yêu cầu chia tài sản trị giá 9.800.000 đồng của anh Trương Quốc T gồm: 06 bàn gội đầu, 02 ghế xoay, 01 ti vi LG 43 in, 02 loa thùng, 01 điều hòa, 01 máy nóng lạnh, 01 máy xông hơi, 01 máy hấp tóc, 01 máy uốn tóc, 02 quạt tường, 03 chậu gội đầu, 04 chiếc gương 6m^2, 01 bộ âm ly, 01 bộ máy sấy, tổng giá trị 9.800.000 đồng.

2.3.2. Tài sản riêng: 06 bàn gội đầu, 02 ghế xoay, 01 ti vi LG 43 in, 02 loa thùng, 01 điều hòa, 01 máy nóng lạnh, 01 máy xông hơi, 01 máy hấp tóc, 01 máy uốn tóc, 02 quạt tường, 03 chậu gội đầu, 04 chiếc gương 6m^2, 01 bộ âm ly, 01 bộ máy sấy là tài sản riêng của chị Phan Thị T.

2.3.3. Về chia tài sản:

- Giao chị Phan Thị T sở hữu tài sản tổng giá trị 403.350.000 đồng, bao gồm: Xe máy Vespa BKS 38P1- 100.25 trị giá 15.000.000 đồng; 01 tủ nhôm kính giá 2.500.000 đồng và 300.000.000 đồng do bà Dương Thị H có nghĩa vụ giao lại, 85.850.000 đồng tiền chênh lệch tài sản do anh Trương Quốc T giao lại.

- Giao anh Trương Quốc T sở hữu tài sản gồm: 01 xe ô tô Vios đời 2004 BKS 38A 040.84 trị giá 170.000.000 đồng, Ti vi LG 55 in trị giá 7.000.000 đồng, ti vi LG 43 in giá 3.000.000 đồng, 16 ghế xếp bằng nhựa giá 1.600.000 đồng, 07 bàn gỗ công nghiệp giá 700.000 đồng, 01 quầy ba bằng gỗ công nghiệp giá 1.000.000 đồng, 01 bàn và 06 ghế bằng gỗ giá 3.500.000 đồng, 01 giường gỗ 1,6m giá 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh LG giá 1.000.000 đồng, 04 quạt điện Hoa

Sen giá 400.000 đồng và 290.000.000 đồng do bà Dương Thị H giao lại. Anh Trương Quốc T có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị T 85.850.000 đồng, nên tổng giá trị tài sản anh T được nhận là 393.350.000 đồng.

- Giao bà Dương Thị H sở hữu căn nhà xây 02 tầng, tủ bếp mặt bằng đá gắn liền với nhà giá 890.780.000 đồng gắn liền với lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 903970 mang tên bà Dương Thị H thửa đất số 43 tờ bản đồ số 5 diện tích 187,5m^2 tại số 106 đường Nguyễn Trung T, tổ 3, phường T, thành phố H do UBND thành phố H cấp ngày 28/4/2011 cho bà Dương Thị H.

Bà Dương Thị H có nghĩa vụ giao lại chị Phan Thị T 300.000.000 đồng và anh Trương Quốc T 290.000.000 đồng. Trị giá nhà còn lại bà H được hưởng là 300.780.000 đồng.

2.3.4. Về nợ chung:

- Buộc chị Phan Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng cộng: 74.112.305 đồng, trong đó: 49.021.718 đồng tiền nợ gốc và 25.090.587 nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/11/2018).

- Buộc anh Trương Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng cộng: 74.090.000, trong đó: 49.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.090.000 nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/11/2018).

- Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về phạt lãi chậm trả 2.840.547 đồng.

3. Về án phí, lệ phí:

- Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Buộc chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 23.839.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 16.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp còn phải nộp tiếp 7.739.000 đồng; Anh Trương Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 23.861.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng TMCP V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bà Trương Thị H, sinh năm 1940 là người cao tuổi được miễn án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc anh Trương Quốc T và bà Dương Thị H mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

4. *"Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án*

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào